

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22.- Các cơ quan, đoàn thể, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế không có chức năng chuyên kinh doanh nhà và công dân Việt Nam, công dân nước ngoài định cư tại Việt Nam hiện đang cho thuê lại nhà thuộc sở hữu của Nhà nước Việt Nam thì phải nộp toàn bộ số tiền thu được về cho thuê nhà vào ngân sách Nhà nước kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

Bộ Tài chính chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát việc thu nộp vào ngân sách Nhà nước các khoản tiền thu về hoạt động cho thuê nhà của các đối tượng quy định tại Điều này.

Điều 23.- Các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có giấy phép cho người nước ngoài thuê nhà theo Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 389-HĐBT ngày 10-11-1990 của Hội đồng Bộ trưởng, nếu hợp đồng cho thuê nhà chưa hết hạn thì được tiếp tục cho thuê cho đến hết ngày 31 tháng 3 năm 1996. Từ ngày 1 tháng 4 năm 1996 trở đi, chủ nhà muốn tiếp tục cho người nước ngoài thuê nhà thì phải làm lại thủ tục cho thuê nhà theo quy định của Quy chế này.

Điều 24.- Quy chế này thay thế Quy chế Cho thuê nhà ban hành kèm theo Nghị định số 389-HĐBT ngày 10-11-1990 của Hội đồng Bộ trưởng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những quy định trước đây của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về cho người nước ngoài thuê nhà trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn hoạt động của doanh nghiệp dịch vụ cho người nước ngoài thuê nhà quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 8 của Quy chế này.

Điều 25.- Hoạt động cho thuê nhà đối với các Cơ quan Đại diện ngoại giao, Cơ quan Lãnh sự của nước ngoài, Cơ quan Đại diện của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ tại Việt Nam (gọi tắt là Đoàn ngoại giao) thực hiện theo quy định riêng.

Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm quy hoạch xây dựng các khu nhà tập trung dành cho các cơ quan Đoàn ngoại giao đóng trên địa bàn thuê và quản lý việc cho thuê nhà đối với các cơ quan này tại địa phương.

Điều 26.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ

và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÔ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 64-CP ngày 9-10-1995 ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Công ty Cho thuê tài chính tại Việt Nam.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước, Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và Công ty Tài chính ngày 24 tháng 5 năm 1990;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Công ty Cho thuê tài chính tại Việt Nam.

Điều 2.- Quy chế này chỉ áp dụng cho hoạt động cho thuê tài chính và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3.- Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể việc thực hiện và sau một thời gian sẽ rút kinh nghiệm, bổ sung hoàn chỉnh Quy chế để ban hành chính thức.

Điều 4.- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

K.T. Thủ tướng

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

QUY CHẾ TẠM THỜI về tổ chức và hoạt động của Công ty Cho thuê tài chính tại Việt Nam

(ban hành kèm theo Nghị định số 64-CP ngày 9-10-1995 của Chính phủ).

Chương I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Cho thuê tài chính là một hoạt động tín dụng trung, dài hạn thông qua việc cho thuê máy móc - thiết bị và các động sản khác. Bên cho thuê cam kết mua máy móc - thiết bị và động sản theo yêu cầu của bên thuê và nắm giữ quyền sở hữu đối với tài sản cho thuê. Bên thuê sử dụng tài sản thuê và thanh toán tiền thuê trong suốt thời hạn thuê đã được hai bên thỏa thuận và không được hủy bỏ hợp đồng trước hạn. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê được chuyển quyền sở hữu, mua lại hoặc tiếp tục thuê tài sản đó theo các điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng thuê.

Điều 2.- Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Bên cho thuê:** Là Công ty Cho thuê tài chính có tư cách pháp nhân, được cấp giấy phép hoạt động theo Quy chế này;

2. **Bên thuê:** Là doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, trực tiếp sử dụng tài sản thuê trong thời hạn thuê theo mục đích kinh doanh nọp nọp của mình;

3. **Tài sản thuê:** Là máy móc, thiết bị và các động sản khác đạt tiêu chuẩn kỹ thuật tiên tiến, có giá trị sử dụng hữu ích trên một năm, được sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu;

4. **Thời hạn cho thuê:** Là thời gian bên thuê sử dụng tài sản thuê và trả tiền thuê, được bên cho thuê và bên thuê thỏa thuận trong hợp đồng thuê.

Điều 3.- Một giao dịch cho thuê tài chính phải thỏa mãn một trong những điều kiện sau đây:

1. Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được chuyển quyền sở hữu tài sản thuê hoặc được tiếp tục thuê theo sự thỏa thuận của hai bên;

2. Nội dung hợp đồng thuê có quy định: Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê được quyền lựa chọn mua tài sản thuê theo giá danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế của tài sản thuê tại thời điểm mua lại;

3. Thời hạn cho thuê một loại tài sản ít nhất phải bằng 60% thời gian cần thiết để khấu hao tài sản thuê;

4. Tổng số tiền thuê một loại tài sản quy định tại hợp đồng thuê, ít nhất phải tương đương với giá của tài sản đó trên thị trường vào thời điểm ký hợp đồng.

Điều 4.- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, dưới đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước, là cơ quan quản lý Nhà nước về hoạt động cho thuê tài chính, có nhiệm vụ cấp và thu hồi giấy phép hoạt động, ban hành các văn bản quy định về nghiệp vụ, quản lý, giám sát và thanh tra hoạt động các Công ty Cho thuê tài chính tại Việt Nam.

Chương II

CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH

Mục I. CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH

Điều 5.- Công ty Cho thuê tài chính là một loại Công ty Tài chính, hoạt động chủ yếu là cho thuê máy móc, thiết bị và các động sản khác.

Công ty Cho thuê tài chính được thành lập và hoạt động tại Việt Nam, bao gồm:

1. Công ty Cho thuê tài chính do Ngân hàng, Công ty Tài chính hoặc Ngân hàng, Công ty Tài chính cùng với doanh nghiệp khác của Việt Nam thành lập;

2. Công ty Cho thuê tài chính liên doanh giữa bên Việt Nam gồm một hoặc nhiều Ngân hàng, Công ty Tài chính, doanh nghiệp khác với bên nước ngoài gồm một hoặc nhiều Ngân hàng, Công ty Tài chính, Công ty Cho thuê tài chính và các Tổ chức tài chính quốc tế;

3. Công ty Cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài của Ngân hàng, Công ty Tài chính, Công ty Cho thuê tài chính nước ngoài.

Điều 6.- Vốn pháp định của Công ty Cho thuê tài chính được quy định như sau:

1. Đối với Công ty Cho thuê tài chính nói tại điểm 1 Điều 5 của Quy chế này là 55 tỷ VND;

2. Đối với Công ty Cho thuê tài chính liên doanh nói tại điểm 2 Điều 5 của Quy chế này và Công ty Cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài nói tại điểm 3 Điều 5 của Quy chế này là 5 triệu đôla Mỹ.

Điều 7.- Thời hạn hoạt động của Công ty Cho thuê tài chính tại Việt Nam tối đa không quá 70

năm) Trường hợp dân gia hạn hoạt động phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Mỗi lần gia hạn không quá thời hạn của giấy phép hoạt động lần đầu.

Mục II. ĐIỀU KIỆN. THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG

Điều 8.- Các Ngân hàng, Công ty Tài chính, doanh nghiệp khác muốn hoạt động cho thuê tài chính phải có đầy đủ uy tín, kinh doanh 3 năm liên tục có lãi, phải thành lập Công ty Cho thuê tài chính độc lập theo các quy định của pháp luật.

Điều 9.- Thủ tục, hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động của Công ty Cho thuê tài chính nơi tại điểm 1 Điều 5 của Quy chế này, được áp dụng như đối với các Tổ chức tín dụng tại Việt Nam.

Điều 10.-

1. Các bên tham gia thành lập Công ty Cho thuê tài chính liên doanh nói tại điểm 2 Điều 5 của Quy chế này, Công ty Cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài nói tại điểm 3 Điều 5 của Quy chế này phải gửi đơn và hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước xin cấp giấy chấp thuận về nguyên tắc (giấy chấp thuận nguyên tắc) theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;

2. Giấy chấp thuận nguyên tắc có giá trị trong 12 tháng kể từ ngày cấp. Trong thời hạn này, các bên phải hoàn tất hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 11.- Trong thời hạn 3 tháng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động của Công ty Cho thuê tài chính, Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép hoạt động cho Công ty Cho thuê tài chính (gọi tắt là Giấy phép hoạt động).

Điều 12.- Sau khi được cấp Giấy phép hoạt động, Công ty Cho thuê tài chính phải:

1. Nộp cho Ngân hàng Nhà nước khoản lệ phí cấp giấy phép bằng 0,1% (một phần nghìn) vốn điều lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ghi trên Giấy phép hoạt động;

2. Đăng ký kinh doanh theo quy định hiện hành;

3. Có đủ 100% vốn điều lệ;

4. Công bố Giấy phép hoạt động, Giấy đăng ký kinh doanh và nội dung hoạt động trên báo của Việt Nam 5 số liên tiếp trước khi khai trương hoạt động theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;

5. Sau khi thực hiện đầy đủ các quy định trên mới được khai trương hoạt động, ngày khai trương chậm nhất là 6 tháng kể từ ngày ghi trên Giấy phép hoạt động.

Điều 13.- Giấy phép hoạt động Công ty Cho thuê tài chính không được chuyển nhượng.

Mục III. NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 14.- Nguồn vốn:

1. Vốn tự có: Vốn điều lệ, các quỹ và lợi nhuận chưa chia;

2. Vốn vay: Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước; phát hành trái phiếu và các giấy tờ có giá khác khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép;

3. Công ty Cho thuê tài chính không được nhận tiền gửi dưới mọi hình thức;

4. Công ty Cho thuê tài chính được phép mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và các Ngân hàng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp muốn mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng ở ngoài lãnh thổ Việt Nam thì phải được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Điều 15.- Công ty Cho thuê tài chính phải tuân thủ các quy định sau đây về sử dụng nguồn vốn:

1. Không được sử dụng quá 25% vốn điều lệ để mua sắm tài sản cố định cho Công ty;

2. Nguồn vốn đi vay không được quá 20 lần* vốn tự có;

3. Tổng giá trị tài sản cho thuê đối với một khách hàng không được vượt quá 30% vốn tự có, trường hợp vượt mức quy định này phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;

4. Các quy định khác của pháp luật hiện hành và của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 16.- Công ty Cho thuê tài chính được thực hiện các nghiệp vụ sau:

1. Cho thuê tài chính;

2. Tư vấn, nhận bảo lãnh cho khách hàng về những dịch vụ có liên quan đến nghiệp vụ cho thuê tài chính;

3. Thực hiện các nghiệp vụ khác khi được Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan chức năng khác của Nhà nước cho phép.

Điều 17.- Công ty Cho thuê tài chính được thu phí cho thuê theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684
19651-19652-19653-19654-19655-19656-19657-19658-19659-19660-19661-19662-19663-19664-19665-19666-19667-19668-19669-19670-19671-19672-19673-19674-19675-19676-19677-19678-19679-19680-19681-19682-19683-19684-19685-19686-19687-19688-19689-19690-19691-19692-19693-19694-19695-19696-19697-19698-19699-19700-19701-19702-19703-19704-19705-19706-19707-19708-19709-19710-19711-19712-19713-19714-19715-19716-19717-19718-19719-19720-19721-19722-19723-19724-19725-19726-19727-19728-19729-19730-19731-19732-19733-19734-19735-19736-19737-19738-19739-19740-19741-19742-19743-19744-19745-19746-19747-19748-19749-19750-19751-19752-19753-19754-19755-19756-19757-19758-19759-19760-19761-19762-19763-19764-19765-19766-19767-19768-19769-19770-19771-19772-19773-19774-19775-19776-19777-19778-19779-19780-19781-19782-19783-19784-19785-19786-19787-19788-19789-19790-19791-19792-19793-19794-19795-19796-19797-19798-19799-19800-19801-19802-19803-19804-19805-19806-19807-19808-19809-19810-19811-19812-19813-19814-19815-19816-19817-19818-19819-19820-19821-19822-19823-19824-19825-19826-19827-19828-19829-19830-19831-19832-19833-19834-19835-19836-19837-19838-19839-19840-19841-19842-19843-19844-19845-19846-19847-19848-19849-19850-19851-19852-19853-19854-19855-19856-19857-19858-19859-19860-19861-19862-19863-19864-19865-19866-19867-19868-19869-19870-19871-19872-19873-19874-19875-19876-19877-19878-19879-19880-19881-19882-19883-19884-19885-19886-19887-19888-19889-19890-19891-19892-19893-19894-19895-19896-19897-19898-19899-19900-19901-19902-19903-19904-19905-19906-19907-19908-19909-19910-19911-19912-19913-19914-19915-19916-19917-19918-19919-19920-19921-19922-19923-19924-19925-19926-19927-19928-19929-19930-19931-19932-19933-19934-19935-19936-19937-19938-19939-19940-19941-19942-19943-19944-19945-19946-19947-19948-19949-19950-19951-19952-19953-19954-19955-19956-19957-19958-19959-19960-19961-19962-19963-19964-19965-19966-19967-19968-19969-19970-19971-19972-19973-19974-19975-19976-19977-19978-19979-19980-19981-19982-19983-19984-19985-19986-19987-19988-19989-19990-19991-19992-19993-19994-19995-19996-19997-19998-19999-20000

Chương III

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ TÀI CHÍNH

Điều 18.- Hợp đồng cho thuê tài chính (sau đây gọi tắt là hợp đồng) là một loại hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên cho thuê và bên thuê về việc cho thuê một hoặc một số máy móc - thiết bị, động sản khác trong một thời gian nhất định (thời hạn cho thuê) theo những điều kiện quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

Điều 19.- Hợp đồng phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Được lập thành văn bản.
2. Đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước và cơ quan quản lý hợp đồng, nơi Công ty Cho thuê tài chính đặt trụ sở theo quy định của pháp luật.
3. Không được hủy bỏ trước hạn (hủy ngang) thời hạn cho thuê đã thỏa thuận quy định trong hợp đồng.

Điều 20.- Hợp đồng phải bao gồm những nội dung cơ bản được nêu tại Chương IV Quy chế này và các nội dung theo mẫu hợp đồng do Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn.

Điều 21.- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày được các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Điều 22.- Quyền và nghĩa vụ của Công ty Cho thuê tài chính:

1. Có quyền yêu cầu bên thuê cung cấp đầy đủ, toàn bộ các báo cáo quý, năm về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và các vấn đề có liên quan đến tài sản thuê;
2. Được quyền sở hữu và đính ký hiệu sở hữu trên tài sản thuê trong suốt thời hạn cho thuê;
3. Có quyền yêu cầu bên thuê bồi thường mọi thiệt hại phát sinh do bên thuê không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm bảo quản, sửa chữa, thanh toán tiền bảo hiểm tài sản thuê trong thời hạn cho thuê;
4. Được quyền chuyển nhượng các quyền của mình trong hợp đồng cho một Công ty Cho thuê tài chính khác mà không cần sự đồng ý của bên thuê. Trong trường hợp này, Công ty Cho thuê tài chính phải thông báo trước bằng văn bản cho bên thuê;

5. Có quyền yêu cầu bên thuê đặt tiền ký quỹ bảo đảm cho hợp đồng hoặc yêu cầu có người bảo lãnh đối với bên thuê;

5. Có trách nhiệm đăng ký hợp đồng, làm thủ tục mua bảo hiểm đối với tài sản cho thuê;

7. Chịu trách nhiệm ký hợp đồng mua hàng, thanh toán tiền mua tài sản để cho thuê với bên cung ứng theo các điều kiện đã được thỏa thuận trong Hợp đồng mua hàng. Công ty Cho thuê tài chính không chịu trách nhiệm về việc tài sản không được giao hoặc giao không đúng với các điều kiện do bên thuê thỏa thuận với bên cung ứng. Trong trường hợp tài sản thuê được nhập khẩu, Công ty Cho thuê tài chính có nghĩa vụ hoàn tất mọi thủ tục nhập khẩu cần thiết;

8. Thực hiện các nghĩa vụ của mình và phải bồi thường mọi thiệt hại cho bên thuê, trong trường hợp tài sản thuê không được giao đúng hạn cho bên thuê do Công ty Cho thuê tài chính vi phạm hợp đồng mua hàng.

Điều 23.- Quyền và nghĩa vụ của bên thuê:

1. Có quyền lựa chọn, thương lượng và thỏa thuận với bên cung ứng tài sản thuê về đặc tính kỹ thuật, chủng loại, giá cả, việc bảo hiểm, cách thức và thời hạn giao nhận, lắp đặt và bảo hành tài sản thuê;

2. Được trực tiếp nhận tài sản thuê từ bên cung ứng;

3. Trường hợp hợp đồng bị hủy bỏ trước khi tài sản thuê được giao cho bên thuê do lỗi của bên thuê, bên thuê phải hoàn trả mọi thiệt hại cho Công ty Cho thuê tài chính;

4. Phải sử dụng tài sản thuê theo đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng;

5. Phải chịu mọi rủi ro về mất, hỏng đối với tài sản thuê và những rủi ro mà tài sản thuê gây ra cho bên thứ ba;

6. Phải chịu trách nhiệm bảo dưỡng, sửa chữa tài sản thuê trong thời hạn thuê;

7. Không được chuyển quyền sử dụng tài sản thuê cho bên thứ ba nếu không được Công ty Cho thuê tài chính đồng ý trước bằng văn bản;

8. Không được dùng tài sản thuê để cầm cố, thế chấp;

9. Bên thuê có nghĩa vụ trả tiền thuê đúng thời hạn, được quy định trong hợp đồng và về nguyên tắc phải chịu các khoản chi phí có liên quan đến tài sản thuê như: chi phí nhập khẩu, thuế, chi phí đăng ký hợp đồng và tiền bảo hiểm đối với tài sản thuê;

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: 84-8-3845 6684

10. Có nghĩa vụ hoàn trả tài sản thuê cho Công ty Cho thuê tài chính khi kết thúc thời hạn thuê và chịu mọi chi phí liên quan đến việc hoàn trả tài sản thuê, trừ trường hợp được quyền sở hữu, mua tài sản thuê hoặc tiếp tục thuê theo quy định trong hợp đồng.

Điều 24.- Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

1. Công ty Cho thuê tài chính có thể chấm dứt hợp đồng trước khi kết thúc thời hạn cho thuê, nếu:

- Bên thuê không trả tiền thuê theo quy định trong hợp đồng;

- Bên thuê vi phạm một trong các điều khoản của hợp đồng;

- Bên thuê mất khả năng thanh toán, phá sản, giải thể;

- Trong trường hợp bên thuê phải có người bảo lãnh, nếu người bảo lãnh mất khả năng thanh toán, phá sản, giải thể nhưng bên thuê không tìm được người bảo lãnh khác thay thế được Công ty Cho thuê tài chính chấp thuận.

2. Bên thuê có thể chấm dứt hợp đồng trước khi kết thúc thời hạn cho thuê trong các trường hợp:

- Tài sản cho thuê không được giao đúng thời hạn do lỗi của Công ty Cho thuê tài chính;

- Bên cho thuê vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

3. Hợp đồng được chấm dứt trước khi kết thúc thời hạn cho thuê trong trường hợp tài sản thuê bị mất, hỏng không thể phục hồi sửa chữa.

Điều 25.- Xử lý khi hợp đồng chấm dứt trước thời hạn.

1. Trong trường hợp hợp đồng được chấm dứt trước thời hạn theo điểm 1 Điều 24, bên thuê phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền thuê phải trả theo hợp đồng cho Công ty Cho thuê tài chính.

Công ty Cho thuê tài chính có quyền thu hồi ngay lập tức tài sản cho thuê mà không cần đưa việc này ra bất kỳ một tòa án hoặc một cơ quan tài phán nào.

2. Quyền sở hữu của Công ty Cho thuê tài chính đối với tài sản thuê không bị ảnh hưởng trong trường hợp bên thuê bị phá sản, giải thể, mất khả năng thanh toán. Tài sản thuê không được coi là tài sản của bên thuê khi xử lý tài sản để trả nợ cho các chủ nợ khác.

3. Trong trường hợp hợp đồng được chấm dứt theo điểm 3 Điều 24, bên thuê phải trả ngay lập tức và toàn bộ số tiền thuê phải trả theo hợp đồng, hoặc trong hợp đồng không quy định việc

bên thuê được sở hữu tài sản thuê thì bên thuê phải trả giá trị còn lại của tài sản thuê cho Công ty Cho thuê tài chính. Bên cho thuê chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho bên thuê số tiền bảo hiểm tài sản khi được cơ quan bảo hiểm thanh toán, nếu bên thuê đã trả đủ cho Công ty Cho thuê tài chính số tiền phải trả.

4. Trong trường hợp hợp đồng được chấm dứt trước thời hạn do Công ty Cho thuê tài chính vi phạm hợp đồng, Công ty Cho thuê tài chính phải bồi thường mọi thiệt hại cho bên thuê.

Chương V

TAI CHÍNH, HẠCH TOÁN

Điều 26.- Tài sản thuê là máy móc - thiết bị và các đồng sản nhập khẩu, được áp dụng mức thuế nhập khẩu như các doanh nghiệp trực tiếp nhập khẩu.

Tài sản thuê tái xuất, khi hợp đồng kết thúc, không phải chịu thuế xuất khẩu.

Điều 27.- Thuế đối với hoạt động của Công ty Cho thuê tài chính được áp dụng như đối với các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 28.- Công ty Cho thuê tài chính được phép trích chi phí để lập quỹ dự phòng bù đắp rủi ro. Quỹ dự phòng bù đắp rủi ro do Ngân hàng Nhà nước quy định tùy theo tình hình cụ thể từng thời gian nhưng tối đa là 5% tổng số tiền thuê chưa thanh toán.

Điều 29.- Việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của bên nước ngoài thực hiện theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 30.- Năm tài chính của Công ty Cho thuê tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 31.- Hạch toán.

1. Công ty Cho thuê tài chính phải thực hiện hạch toán kế toán theo hệ thống tài khoản kế toán do Ngân hàng Nhà nước ban hành;

2. Công ty Cho thuê tài chính phải hạch toán chính xác, đầy đủ và bảo quản sổ sách, chứng từ liên quan theo quy định của Pháp lệnh Kế toán thống kê.

Điều 32.- Chế độ báo cáo.

1. Công ty Cho thuê tài chính phải thực hiện chế độ báo cáo định kỳ do Ngân hàng Nhà nước

quy định. Mọi vi phạm đối với chế độ báo cáo sẽ bị xử phạt theo quy định hiện hành.

2. Bảng tổng kết tài sản, báo cáo tài chính năm của Công ty Cho thuê tài chính phải được cơ quan Kiểm toán xác nhận; việc lựa chọn cơ quan Kiểm toán phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Chương VI

GIÁM SÁT, THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TRANH CHẤP

Điều 33.- Công ty Cho thuê tài chính chịu sự giám sát, kiểm tra và thanh tra của Ngân hàng Nhà nước trong mọi hoạt động kinh doanh và việc chấp hành các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 34.- Mọi vi phạm của Công ty Cho thuê tài chính sẽ bị xử lý theo quy định tại Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng, Công ty Tài chính và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 35.- Các tranh chấp giữa Công ty Cho thuê tài chính với các pháp nhân Việt Nam được giải quyết tại Tòa án kinh tế Việt Nam.

Các tranh chấp giữa các bên tham gia Công ty Cho thuê tài chính liên doanh được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không hòa giải được, căn cứ thỏa thuận đã ghi tại hợp đồng liên doanh để xử lý.

Chương VII

THAY ĐỔI, GIA HẠN, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 36.-

1. Khi có nhu cầu thay đổi về địa điểm, phạm vi hoạt động và các quy định trong giấy phép hoạt động, Công ty Cho thuê tài chính phải làm đơn xin Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

2. Khi có nhu cầu gia hạn thời gian hoạt động, Công ty Cho thuê tài chính phải nộp đơn cho Ngân hàng Nhà nước 6 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong giấy phép hoặc giấy chấp thuận gia hạn lần trước.

Điều 37.- Ngân hàng Nhà nước quy định những trường hợp thu hồi giấy phép của các Công ty Cho thuê tài chính phù hợp với Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng, Công ty Tài chính.

Điều 38.-

1. Công ty Cho thuê tài chính khi bị đình chỉ hoạt động, bị thu hồi giấy phép hoặc tự nguyện giải thể, chấm dứt hoạt động do hết thời hạn ghi trong giấy phép, phải tiến hành các thủ tục thanh lý, giải thể theo quy định của pháp luật Việt Nam;

2. Trường hợp tự nguyện giải thể trước thời hạn ghi trong giấy phép, Công ty Cho thuê tài chính phải gửi văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận và chỉ được giải thể sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước;

3. Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cụ thể trình tự và thủ tục tiến hành giải thể Công ty Cho thuê tài chính theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Điều 39.- Công ty Cho thuê tài chính gặp khó khăn hoặc bị thua lỗ trong hoạt động kinh doanh, không đủ khả năng thanh toán khi đến hạn thì sẽ bị tuyên bố phá sản; trình tự và thủ tục phá sản thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 40.- Các tổ chức đang hoạt động cho thuê tài chính trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực, phải điều chỉnh tổ chức và hoạt động theo đúng Quy chế này.

Điều 41.- Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Chính phủ quyết định.

T.M. Chính phủ

K.T. Thủ tướng

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHAI